

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em tỉnh Gia Lai
giai đoạn 2013 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003,
Căn cứ Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ngày 15/6/2004,
Căn cứ Quyết định số 1555/QĐ-TTg ngày 17/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về
Phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2012-2020,
Căn cứ Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 22/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về
việc phê duyệt Chương trình Bảo vệ trẻ em tỉnh Gia Lai giai đoạn 2011 - 2015,
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số
04/SLĐT BXH-BVCSTE ngày 04/3/2013.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em tỉnh Gia Lai giai đoạn 2013 - 2020.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, các cơ quan, tổ chức liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Lao động - TBXH (b/c);
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Bảo vệ chăm sóc trẻ em;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- UBNDTTQ và các hội, đoàn thể của tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Gia Lai;
- Trung tâm Tin học - Vp UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Măng Đung

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA VÌ TRẺ EM TỈNH GIA LAI
GIAI ĐOẠN 2013 - 2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 17/4/2013
của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Phần thứ nhất:

**Kết quả thực hiện Chương trình hành động
vì trẻ em tỉnh Gia Lai giai đoạn 2005 - 2012**

I. Đặc điểm tình hình:

Gia Lai là một tỉnh miền núi biên giới ở phía Bắc Tây Nguyên, diện tích tự nhiên 15.539,9 km². Dân số 1.334.361 người, trong đó trẻ em 464.064 (chiếm 34,7% dân số), trẻ em dưới 6 tuổi 174.614 em (chiếm 13,08% dân số); có 34 dân tộc anh em cùng chung sống, trong đó dân tộc thiểu số chiếm khoảng 44,8%. Phía Bắc giáp tỉnh Kon Tum, phía Đông giáp Bình Định, Phú Yên; phía Nam giáp tỉnh Đak Lak và phía Tây giáp với tỉnh Ratanakiri của Campuchia có chiều dài đường biên giới là 90km. Toàn tỉnh có 14 huyện, 02 thị xã, 01 thành phố với 222 xã, phường, thị trấn.

Với xuất phát điểm về kinh tế - xã hội của tỉnh thấp so với cả nước, trình độ dân trí không đồng đều, tỷ lệ hộ nghèo còn cao (cuối năm 2011 là 23,75%), song những năm qua, được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, sự nỗ lực vươn lên của toàn thể cán bộ, nhân dân các dân tộc trong tỉnh, đến nay công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em của tỉnh đã triển khai nhiều hoạt động đem lại hiệu quả thiết thực, tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ em trong tỉnh được phát triển hài hòa về thể chất, trí tuệ và tinh thần, giúp đỡ những trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vươn lên hòa nhập cuộc sống; các chính sách có liên quan đến bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em đã được cụ thể hóa và xác định ưu tiên trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Nhờ đó, nhận thức của người dân được nâng lên, các quyền cơ bản của trẻ em được thực thi, góp phần phát triển nguồn nhân lực và đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

II. Kết quả thực hiện Chương trình hành động vì trẻ em giai đoạn 2005- 2012:

1. Kết quả tuyên truyền phổ biến Luật Bảo vệ chăm sóc trẻ em.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ban, ngành chức năng phối hợp triển khai các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, thiết thực, phù hợp với từng đối tượng, đưa các nội dung Luật bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em vào cuộc sống.

Đã biên tập, in ấn và phát hành 31.500 tờ gấp tuyên truyền về phòng chống ma túy, phòng chống buôn bán người, trong đó có nội dung về phòng chống mua bán phụ nữ và trẻ em; phát hành 2.850 cuốn tài liệu tuyên truyền bỏ túi dùng cho tuyên truyền viên pháp luật; phát hành 242 tập đề cương phục vụ cho cuộc thi tìm hiểu pháp luật về bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em; duy trì thường xuyên trên các sổ "tài liệu phổ biến giáo dục pháp luật ở thôn, làng, khu dân cư" hàng tháng; tổ chức 05 lớp tập huấn triển khai Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Luật Thanh niên cho các tổ chức đoàn cơ sở; tổ chức các lớp tập huấn cho giáo viên dạy môn giáo dục công dân về chủ đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của gia đình đối với trẻ em; triển khai công tác phổ biến giáo dục pháp luật về

phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy, phòng chống tội phạm mua bán phụ nữ và trẻ em. Đài phát thanh truyền hình tỉnh duy trì mỗi tháng 01 chuyên mục "Pháp luật và đời sống" trên sóng truyền hình và 02 chuyên mục trên sóng phát thanh, trong đó thường xuyên đưa các nội dung tìm hiểu Pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, hôn nhân và gia đình... Ngoài ra, Hội đồng phối hợp công tác phổ biến giáo dục pháp luật các cấp đã tích cực đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, trong đó đã tổ chức 5.666 đợt tuyên truyền cho 697.848 lượt người nghe các văn bản pháp luật liên quan đến bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Các hoạt động truyền thông đã được chú trọng đẩy mạnh với các hoạt động thiết thực, hiệu quả như: Tổ chức phát động phòng chống tai nạn thương tích trẻ em; tổ chức diễn đàn tư vấn cộng đồng và trẻ em nói về phòng chống xâm hại, ngược đãi trẻ em; Tổ chức diễn đàn "Trẻ em nói về đói nghèo" cho các đối tượng trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm hại, trẻ em phải lao động nặng nhọc trong điều kiện độc hại, nguy hiểm; tổ chức hội thi tuyên truyền viên giỏi trong đội ngũ công tác viên Dân số gia đình và trẻ em; nhân bản hơn 58.000 tờ rơi và tài liệu tuyên truyền các loại, lắp đặt 8 cụm panô cố định và 24 panô tuyên truyền pháp luật về bảo vệ chăm sóc trẻ em. Các huyện, thị xã, thành phố đã chủ động triển khai các hoạt động tuyên truyền pháp luật thông qua các hoạt động truyền thông nhóm nhỏ, nói chuyện chuyên đề, tư vấn trực tiếp tại gia đình.

Các hoạt động tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ chăm sóc trẻ em đã được triển khai rộng khắp trên địa bàn tỉnh. Kết quả đã tổ chức 09 lớp tập huấn cho 892 lượt cán bộ ở cơ sở về các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực trẻ em; Tổ chức diễn đàn trẻ em 3 nhóm đối tượng trong Quyết định 19/2004/QĐ-TTg ngày 12/02/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ngăn ngừa, giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm phạm tình dục, trẻ em phải lao động nặng nhọc trong điều kiện độc hại, nguy hiểm giai đoạn 2004-2010; tổ chức diễn đàn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt với chủ đề "hãy lắng nghe trẻ em nói"; phối hợp ngành Giáo dục và Đào tạo phát động cuộc thi tìm hiểu kiến thức bảo vệ chăm sóc trẻ em trong học sinh THCS trên địa bàn toàn tỉnh, thu hút 33.565 em học sinh tham gia; tổ chức hội thi giao lưu tìm hiểu Luật bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em ở cấp huyện và cấp tỉnh, thu hút 6.450 em học sinh tham gia; phối hợp Tỉnh đoàn tổ chức sân chơi cho các em học sinh trong dịp hè thu hút hàng nghìn học sinh tham gia hưởng ứng.

Ngoài ra, các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội, lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh đã tích cực chủ động triển khai các hoạt động tuyên truyền vận động lồng ghép với tuyên truyền chính sách, pháp luật liên quan đến bảo vệ chăm sóc trẻ em, đảm bảo các quyền cơ bản của trẻ em. Báo Gia Lai, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh duy trì các mục "hỏi đáp pháp luật", tăng thời lượng phát sóng các chương trình thiếu nhi, các bài viết về gương người tốt, việc tốt trong công tác chăm sóc trẻ em, phát hiện và lên án mạnh mẽ những hành vi xâm hại, ngược đãi, vi phạm quyền trẻ em. Công an tỉnh tổ chức triển khai quán triệt nội dung Luật bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em đến toàn thể cán bộ chiến sĩ trong toàn lực lượng; thực hiện có hiệu quả Đề án 4/CP ngày 23/12/1999 của Chính phủ về đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em và tội phạm trong lứa tuổi vị thành niên, đảm bảo thực hiện nghiêm Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trong công tác điều tra, xử lý tội phạm.

2. Dinh dưỡng, sức khỏe, nước sạch và vệ sinh môi trường:

Với mục tiêu chăm sóc sức khỏe cho mọi trẻ em, phấn đấu để sức khỏe mọi người dân trong tỉnh nói chung, trẻ em nói riêng được chăm sóc tốt, giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em, đảm bảo cho quyền được chăm sóc và bảo vệ sức khỏe để trẻ em có điều kiện phát triển toàn diện về thể chất và trí tuệ. Trong những năm qua, mạng lưới y tế từ tỉnh đến cơ sở từng bước được củng cố, xây dựng và phát triển trên cả 3 phương diện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đào tạo và bổ sung đội ngũ cán bộ y

tế theo các mục tiêu: tăng cường y tế ở cơ sở, y tế cộng đồng nhằm đưa các dịch vụ y tế tiếp cận với người dân, làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Kết quả thực hiện như sau:

a. Tiêm chủng phòng bệnh cho trẻ em:

Công tác tiêm chủng cho trẻ em dưới 1 tuổi được triển khai thường xuyên, tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ tăng qua các năm, năm 2000 tỷ lệ tiêm chủng đạt 90,3% đến năm 2012 tỷ lệ tiêm chủng đạt 95%. Tỷ lệ các bệnh truyền nhiễm như sởi, bạch hầu, ho gà, uốn ván giảm rõ rệt; đã thanh toán bệnh bại liệt, tiến tới loại trừ bệnh uốn ván sơ sinh.

b. Giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em:

Nhờ làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho trẻ em nên tỷ lệ tử vong ở trẻ em đã giảm đáng kể qua các năm: Đến năm 2012, tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh giảm còn 3,11‰, tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi giảm còn 4,56‰, tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 5 tuổi giảm còn 5,88‰, tỷ suất chết mẹ/100.000 trẻ đẻ ra sống còn 38,19.

c. Phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi: Công tác phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em được triển khai tại 100% các xã phường và thị trấn. Vấn đề dinh dưỡng được xã hội quan tâm và được nhìn nhận đầy đủ hơn, nhận thức và thực hành của người dân đã nâng cao đáng kể. Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi năm 2012 là 24,3%.

d. Công tác khám chữa bệnh cho trẻ em:

Thực hiện Thông tư số 14/2005/TT-BYT ngày 10/05/2005 của Bộ Y tế và Thông tư liên tịch số 15/2008/TTLT-BTC-BYT của liên Bộ Tài chính - Y tế về khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi tại các cơ sở y tế công lập. Công tác khám chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi được triển khai tại tỉnh từ cuối năm 2005. Hàng năm các bệnh viện công lập trong toàn tỉnh đã khám chữa bệnh miễn phí cho gần 300.000 lượt trẻ dưới 6 tuổi. Ngoài ra để trẻ em dưới 6 tuổi được chăm sóc sức khỏe và được khám, chữa bệnh miễn phí tại các cơ sở y tế công lập trên phạm vi toàn quốc, đặc biệt là nhu cầu chuyển tuyến trên điều trị, năm 2008 ngành Y tế đã ký hợp đồng với một số cơ sở khám chữa bệnh công lập ngoài tỉnh để thu dung điều trị cho bệnh nhi dưới 6 tuổi tỉnh Gia Lai như Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Yên, Bệnh viện Trung ương Huế và một số bệnh viện chuyên khoa sâu tại thành phố Hồ Chí Minh, đã tiếp nhận điều trị cho hàng chục nghìn trường hợp bệnh nhân trẻ em dưới 6 tuổi của tỉnh chuyển tuyến điều trị, đáp ứng kịp thời nhu cầu điều trị cấp cứu và điều trị chuyên khoa sâu với kỹ thuật cao. Đặc biệt trong các năm từ 2007 đến 2009 Sở Y tế đã kết hợp với Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Viện tim TP. Hồ Chí Minh và Bệnh viện Trung ương Huế đã tổ chức khám và phẫu thuật tim miễn phí cho 79 bệnh nhi dưới 6 tuổi của tỉnh Gia Lai với tổng kinh phí gần 4 tỷ đồng.

Thường xuyên đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh, với phương châm nhà nước hỗ trợ để nâng tỷ lệ dân số trong tỉnh được sử dụng các nguồn nước sạch, nhất là vùng nông thôn, các xã vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa. Tuyên truyền vận động nhân dân, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số ăn thức ăn nấu chín, uống nước được đun sôi; giữ bản, làng xanh, sạch, sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh, giữ môi trường không ô nhiễm, nâng cao chất lượng cuộc sống, tăng cường sức khỏe, giảm các bệnh tật có liên quan đến nguồn nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường. Do đó, tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh tăng từ 55% năm 2001 lên 80% năm 2012. Tỷ lệ dân số thành thị được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh tăng từ 60% năm 2001 lên 94% năm 2012; 55,4% hộ dân nông thôn có nhà tiêu; 80% trường học (THCS, tiểu học, mẫu giáo) có công trình nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh; 90,4% trạm y tế có công trình nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh;

3. Giáo dục cho trẻ em:

Thực hiện phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi, phổ cập Giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và Phổ cập Giáo dục Trung học cơ sở với mục tiêu chăm lo giáo dục cho mọi trẻ em, trong những năm qua, dưới sự lãnh chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, cùng với sự nỗ lực của ngành Giáo dục và Đào tạo, công tác giáo dục đã được chú trọng với việc tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trường lớp, trang thiết bị dạy và học. Nâng cao số lượng và chất lượng đội ngũ giáo viên ở các cấp học, ngành học. Huy động học sinh đến lớp, đảm bảo quyền được học tập, phát triển năng lực trí tuệ của trẻ em, một số kết quả chủ yếu như sau:

- Tình hình học sinh đến trường: Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi ngày càng tăng, từ 98,2% năm 2005 tăng lên 99,8% năm 2012. Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đi mẫu giáo đạt 98,7%; tỷ lệ trẻ em 3-5 tuổi đi mẫu giáo đạt 74,4%; tỷ lệ trẻ em tốt nghiệp tiểu học đạt 99,4%; tỷ lệ trẻ em tốt nghiệp THCS đạt 96,1%. Tăng tỷ lệ trẻ em khuyết tật được giáo dục hòa nhập từ 35% năm 2005 lên 42% năm 2012. Tỉnh đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học năm 2009, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi năm 2011 và đang phấn đấu đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi vào năm 2015.

- Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học: Được sự quan tâm của trung ương và của tỉnh, bằng nhiều nguồn kinh phí đầu tư, cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học đang hoàn thiện dần theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa, hiện đại hóa, từng bước đáp ứng yêu cầu góp phần nâng cao chất lượng dạy và học. Tổng số phòng học mầm non và phổ thông: 8.966 phòng, trong đó: Mầm non có 1.824 phòng học, Phổ thông có 7.142 phòng học. Đến tháng 11/2010, cả tỉnh có thêm 576 phòng học, 16 phòng thư viện, 19 phòng tin học, 30 phòng thí nghiệm đã hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng, sửa chữa 315 phòng, trang bị thêm 7.622 bộ bàn ghế học sinh và 371 bộ bàn ghế giáo viên. Có 478/ 757 trường học đã thực hiện kết nối mạng Internet đạt tỷ lệ 63,1%.

4. Bảo vệ trẻ em:

Trong những năm qua, công tác bảo vệ trẻ em luôn được tỉnh quan tâm chú trọng triển khai nhiều hoạt động thiết thực, đạt kết quả với mục tiêu tạo môi trường sống an toàn, thân thiện và lành mạnh để mọi trẻ em được phát triển hài hòa về thể chất, trí tuệ, xây dựng mô hình xã phường phù hợp với trẻ em; bảo vệ trẻ em trước những nguy cơ bị xâm hại, ngược đãi, không phải rơi vào hoàn cảnh đặc biệt.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh hàng năm đạt trên 96%. Năm 2005 đăng ký khai sinh cho 20.775 em, năm 2010 là 24.789 em, ước thực hiện năm 2012 là 27.000 em.

- Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn: 14.321 em. Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh chủ yếu tập trung vào các nhóm đối tượng: Trẻ em mồ côi 7.637 em; trẻ em bị khuyết tật, tàn tật: 3.999 em; Trẻ em bị ảnh hưởng chất độc da cam: 462 em; Trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS: 16 em; trẻ em phải lao động nặng nhọc, nguy hiểm: 312 em; trẻ em lang thang: 5 em; trẻ em bị xâm hại tình dục: 23 em; trẻ em vi phạm pháp luật: 978 em; trẻ em phải làm việc xa gia đình: 889 em.

- Tỷ lệ trẻ em khuyết tật, tàn tật, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được trợ giúp dưới nhiều hình thức đạt 95%.

- 100% trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em khuyết tật, tàn tật nặng được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo quy định.

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 01 cơ sở bảo trợ xã hội công lập là Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh đang nuôi dưỡng 104 trẻ mồ côi; 03 cơ sở ngoài công lập nuôi dưỡng 121 em gồm: Nhà trẻ mồ côi Sao Mai, Chùa Bửu Châu, cơ sở nuôi trẻ em khuyết tật ở tổ 3 - phường Trà Bá, Tp. Pleiku và 01 Trung tâm bán trú nuôi dưỡng, tập luyện cho người bị nhiễm chất độc da cam/DIOXIN.

Ngoài ra, Trung tâm Phục hồi chức năng trẻ em khuyết tật huyện Chư Păh được xây dựng và đi vào hoạt động từ năm 2003. Kết quả hàng năm có 100 trẻ em khuyết tật luyện tập tại Trung tâm và được hưởng các chế độ hỗ trợ theo quy định của dự án, số trẻ em được phục hồi và có khả năng phục hồi hàng năm từ 10 - 20%. Kết quả đến nay đã có 12 em phục hồi từ 80-90%, 18 em phục hồi từ 50-70%, 14 em phục hồi từ 30-50%. Có 32 em được hỗ trợ học nghề. Hiện nay đã có 117 trẻ em tại Trung tâm được hỗ trợ bỏ cái sinh sản do Tổng lãnh sự quán Đức tài trợ.

5. Vui chơi giải trí và thực hiện quyền tham gia của trẻ em:

- Các hoạt động vui chơi, giải trí và thực hiện quyền tham gia của trẻ em được các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh quan tâm chú trọng. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 14 nhà văn hóa cấp huyện; 5 nhà văn hóa trung tâm; 17 đội thông tin lưu động; 14 thư viện, phòng đọc sách cấp huyện và 01 thư viện tỉnh; 672 nhà rông, 01 nhà văn hóa thiếu nhi tỉnh, 01 trung tâm hoạt động thanh niên, 01 trung tâm huấn luyện thi đấu thể thao; 23 điểm sinh hoạt cho thiếu niên, nhi đồng ở cơ sở. 100% số huyện, thị xã, thành phố đã quy hoạch đất xây dựng các công trình thể dục thể thao (TDTT) gắn với các trường học, điểm vui chơi giải trí tạo điều kiện cho nhân dân nói chung và trẻ em nói riêng tham gia luyện tập thể thao.

- Có 14/17 huyện, thị xã, thành phố có thư viện; 122 Bưu điện Văn hóa xã với hàng trăm nghìn đầu sách các loại và hàng chục nghìn loại báo tạp chí phục vụ nhân dân. Bình quân mỗi đầu người trong năm hưởng thụ 4 đầu sách. Riêng Thư viện tỉnh còn tổ chức 4 cuộc thi kể chuyện thu hút hơn 8.100 em tham gia; đồng thời phục vụ lưu động sách cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại 3 điểm lưu động với 20 chuyến và luân chuyển gần 2000 bản sách cho các em mượn tại Trung tâm phục hồi chức năng trẻ em bị khuyết tật Chư Păh, Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh và Trường phổ thông Dân tộc nội trú huyện Mang Yang.

- Hàng năm, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch phối hợp các ngành chức năng tổ chức giải bóng đá thiếu niên nhi đồng toàn tỉnh thu hút đông đảo các em tham gia; đồng thời thành lập đội bóng đá trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tham gia giải bóng đá trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn toàn quốc do Báo Công an TP Hồ Chí Minh tổ chức. Năm 2011-2012 phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo và Tỉnh đoàn tổ chức giải bóng đá học sinh phổ thông các trường dân tộc nội trú toàn tỉnh.

- Từ năm 2005-2012, Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh đã huy động đóng góp kinh phí hỗ trợ xây dựng các điểm vui chơi giải trí và trang thiết bị đồ chơi cho trẻ em ở các xã vùng khó khăn trên địa bàn tỉnh; kết quả đã đầu tư trang thiết bị vui chơi cho trẻ em ở 32 xã với tổng kinh phí đầu tư hơn 2 tỷ đồng.

- Ngoài ra, hàng năm ở các trường học, địa phương, cơ quan, đơn vị và đoàn thể đều tổ chức cho các em vui chơi nhân các ngày Lễ, Quốc tế thiếu nhi 1-6, Tết Trung thu, Tết Nguyên đán bằng nhiều hình thức phù hợp với trẻ em như: tổ chức hội diễn giọng hát hay, hội thi nét đẹp đội viên, thi vẽ và kể chuyện theo tranh, kể chuyện theo sách, diễn đàn trẻ em, sân chơi cuối tuần cho học sinh, hội thi giao lưu tìm hiểu kiến thức bảo vệ chăm sóc trẻ em... và tổ chức các trò chơi ở nhà văn hóa thu hút hàng ngàn lượt trẻ em tham gia.

6. Thực hiện các phúc lợi xã hội đối với trẻ em.

- Với mục tiêu "hãy dành những gì tốt đẹp nhất cho trẻ em". Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm chăm sóc và bảo vệ quyền lợi của trẻ em, hướng tới mục tiêu vì lợi ích tốt nhất cho sự phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, và tinh thần. 100% trẻ em dưới 6 tuổi được khám chữa bệnh miễn phí tại các cơ sở y tế của Nhà nước. Trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, học sinh, sinh viên được nhà nước hỗ trợ mua thẻ BHYT. Chính sách miễn giảm học phí

và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ được triển khai đồng bộ, kịp thời và đảm bảo đúng đối tượng, tổng chi phí hỗ trợ thực hiện đến năm 2012 là 533 tỷ đồng. Chính sách hỗ trợ phổ cập giáo dục trung học cơ sở thực hiện theo Quyết định số 62/2005/QĐ-TTg ngày 24/3/2005 của Thủ tướng Chính phủ đã thực hiện hỗ trợ cho 2.676 em học sinh trên địa bàn tỉnh thuộc các đối tượng trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em khuyết tật, tàn tật có hoàn cảnh khó khăn, với tổng kinh phí hỗ trợ 321 triệu đồng.

- Thực hiện chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 07/2000/NĐ-CP ngày 09/3/2000 của Chính phủ về chính sách cứu trợ xã hội; Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/02/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội. Hàng năm đã triển khai thực hiện chính sách trợ cấp xã hội đến đối tượng kịp thời, không bỏ sót đối tượng. Từ năm 2005-2012 đã thực hiện chế độ trợ cấp xã hội cho 11.773 đối tượng gồm: trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS... với tổng kinh phí hỗ trợ hơn 33,4 tỷ đồng.

- Thực hiện Chương trình phối hợp giữa thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Gia Lai giai đoạn 2004 -2010 theo chủ đề: *"Vi lương tâm và trách nhiệm, hãy hướng về người nghèo, người dân tộc thiểu số, trẻ em bất hạnh, góp phần cải thiện đời sống và đem lại niềm vui cho họ"* đã triển khai nhiều chương trình thiết thực đem lại hiệu quả cao như: Chương trình phẫu thuật vì nụ cười trẻ thơ, chương trình đem ánh sáng cho trẻ em nghèo, chương trình tặng xe lăn cho trẻ em và người tàn tật, chương trình cấp học bổng và tặng xe đạp cho học sinh nghèo, chương trình khám bệnh, cấp thuốc, tặng quà cho đồng bào nghèo, chương trình phẫu thuật dị tật vận động, u sọ mắt, tim bẩm sinh... giúp cho hàng ngàn trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được khám, điều trị, phẫu thuật thoát khỏi bệnh tật hiểm nghèo vươn lên hòa nhập cộng đồng; đồng thời cũng giúp cho các gia đình khó khăn yếu thế có điều kiện để tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe và giảm bớt khó khăn trong đời sống.

III. Đánh giá chung:

1. Ưu điểm:

- Công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Trước hết có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp; sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch hàng năm và tổ chức thực hiện tốt, đạt kết quả các mục tiêu chương trình bảo vệ chăm sóc trẻ em; đồng thời thường xuyên tổ chức các hoạt động kiểm tra, giám sát liên ngành để thực hiện tốt các mục tiêu chương trình trẻ em của tỉnh.

- Một số mục tiêu bảo vệ chăm sóc trẻ em thực hiện đạt và vượt so với kế hoạch đề ra như: Mục tiêu về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng trẻ em, giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh, giảm tử vong liên quan đến thai sản; chăm sóc giúp đỡ trẻ em mồ côi, khuyết tật, tàn tật, trợ giúp trẻ em phẫu thuật phục hồi chức năng; tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí, tạo điều kiện cho trẻ em tham gia các hoạt động lành mạnh, bổ ích; giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học, tăng tỷ lệ trẻ em đến lớp ở các cấp học, chất lượng giáo dục đào tạo ngày càng được nâng lên, cơ sở vật chất dạy và học được đầu tư xây dựng.

- Việc triển khai các mô hình bảo vệ chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh bước đầu đã đạt những kết quả nhất định, trong đó các mô hình như: Xây dựng xã phường phù hợp với trẻ em, hỗ trợ xã nghèo biên giới, phòng chống tai nạn thương tích trẻ em, mô hình chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt dựa vào cộng đồng, mô hình phục hồi chức năng trẻ em khuyết tật ở huyện Chư Păh, chương trình phối hợp với thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn

2004-2010 về giúp đỡ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn của tỉnh... góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành, toàn xã hội đối với công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em, nhất là đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, tạo điều kiện để các em hòa nhập và vươn lên trong cuộc sống.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ chăm sóc trẻ em được triển khai thường xuyên, rộng rãi với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, góp phần đưa nội dung Luật đi vào cuộc sống, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm của toàn xã hội đối với công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em, từng bước thực hiện xã hội hóa công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em.

- Các chế độ, chính sách cho trẻ em được thực hiện kịp thời, đảm bảo đúng đối tượng. Công tác thăm hỏi, động viên, giúp đỡ trẻ em về mọi mặt cũng được các cấp, các ngành, xã hội quan tâm thường xuyên. Cùng với ngân sách tỉnh bố trí hàng năm cho công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em đồng thời kêu gọi sự ủng hộ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân, cơ quan, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để giúp đỡ trẻ em thông qua Quỹ bảo trợ trẻ em ở các cấp.

2. Khó khăn, tồn tại:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở một số Cấp ủy, chính quyền cơ sở đối với công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em còn chưa thường xuyên, việc phối hợp giữa các ban ngành, đoàn thể trong việc tổ chức triển khai các hoạt động còn hạn chế, có nơi còn khoán trắng cho đơn vị chuyên môn.

- Kết quả thực hiện một số mục tiêu chương trình bảo vệ chăm sóc trẻ em đạt thấp so với kế hoạch đề ra như: Các chỉ tiêu về xây dựng điểm vui chơi giải trí cho trẻ em; chưa thường xuyên tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí để thu hút đông đảo trẻ em tham gia; cơ hội cho các em được quyền tham gia, bày tỏ nguyện vọng và phát triển năng khiếu của mình còn ít. Công tác hỗ trợ, giúp đỡ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật, tìm bẩm sinh được phẫu thuật còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế trong việc huy động nguồn lực.

- Công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc trẻ em còn nhiều hạn chế, một số kết quả đạt được chưa thực sự bền vững. Các chế độ, chính sách hỗ trợ cho trẻ em về định mức trợ cấp, hỗ trợ còn thấp; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm quyền trẻ em chưa đủ mạnh.

- Việc củng cố và ổn định tổ chức hệ thống cán bộ làm công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em ở cơ sở còn chậm, việc triển khai một số hoạt động ở cơ sở còn yếu, nhất là việc thu thập, nắm bắt thông tin số liệu về trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt chưa đầy đủ và cập nhật thường xuyên.

- Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt chưa được triển khai toàn diện, thiếu đồng bộ của các cấp, các ngành và địa phương. Việc phối hợp hoạt động giữa các cơ quan, tổ chức chưa đạt hiệu quả cao do có sự chồng chéo về chức năng nhiệm vụ; việc phân loại, quản lý và theo dõi các nhóm đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt chưa chặt chẽ. Việc phát hiện sớm, can thiệp và trợ giúp các trường hợp trẻ em bị bạo lực, trẻ em bị xâm hại tình dục và trẻ em vi phạm pháp luật chưa kịp thời, nhiều trường hợp để lại hậu quả nghiêm trọng đối với trẻ em và gia đình.

3. Nguyên nhân tồn tại:

- Nguyên nhân khách quan: Do khoảng cách giàu nghèo trong xã hội ngày càng lớn; tệ nạn xã hội và bệnh tật nguy hiểm có xu hướng phát triển; thiên tai, dịch bệnh xảy ra hàng năm đã tác động trực tiếp đến trẻ em và gia đình làm gia tăng đối tượng trẻ em có nguy cơ và rơi vào nhóm đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Nhận thức của Cấp ủy, chính quyền một số địa phương về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em còn hạn chế, công tác chỉ đạo chưa tích cực dẫn đến tình trạng khoán trắng việc thực hiện công tác này cho cơ quan chuyên trách. Vai trò, trách nhiệm của nhà nước trong vấn đề hỗ trợ trẻ em khuyết tật chữa trị phục hồi chức năng là chưa rõ ràng (*chưa bố trí ngân sách nhà nước để hỗ trợ mà chủ yếu huy động sự hỗ trợ của cộng đồng*).

+ Hệ thống tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em thiếu ổn định; việc giải thể, chuyển giao chức năng quản lý nhà nước về công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em làm thay đổi đội ngũ cán bộ ở cơ sở; năng lực trình độ của đội ngũ cán bộ này còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn.

+ Tỷ lệ trẻ em vi phạm pháp luật vẫn còn cao (*trong 8 năm có 978 trẻ em vi phạm pháp luật*); nguyên nhân do việc buông lỏng, thiếu quản lý giám sát của gia đình và nhà trường đối với các em nên bị bạn bè xấu rủ rê, tụ tập ăn chơi, đua đòi, bỏ học trở thành đối tượng phạm tội. Mặt khác, do ảnh hưởng mặt trái nền kinh tế thị trường tác động không nhỏ đến nhiều gia đình, việc quản lý chưa chặt các loại hình dịch vụ Internet, game, trò chơi điện tử có tính bạo lực, đồi trụy, “xã hội đen”... ảnh hưởng đến suy nghĩ, tư tưởng của các em.

+ Công tác truyền thông, giáo dục pháp luật về bảo vệ, chăm sóc trẻ em chưa sâu rộng, chưa thường xuyên liên tục ở các xã, thôn, làng và hiệu quả tác động thay đổi hành vi về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em còn hạn chế.

+ Nguồn lực đầu tư cho công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em còn dãn trải, chưa đáp ứng với yêu cầu thực tế.

4. Bài học kinh nghiệm:

Với những kết quả đạt được, chúng ta rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

- Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp thường xuyên quan tâm, chỉ đạo thực hiện các mục tiêu vì trẻ em, đưa các mục tiêu của chương trình vào Nghị quyết, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương. Thường xuyên có kiểm tra, giám sát đánh giá kết quả thực hiện hàng năm, giữa kỳ để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp thì công tác này có chuyển biến rõ rệt.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật phải được chú trọng và thực hiện thường xuyên ở các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể, nhằm huy động toàn xã hội cùng tham gia bảo vệ chăm sóc trẻ em.

- Các hoạt động bảo vệ chăm sóc trẻ em được thực hiện lồng ghép với các hoạt động của các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội; phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ, công tác viên ở cơ sở trong việc thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em và tích cực tham mưu với cấp ủy, chính quyền cơ sở trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu cụ thể đạt hiệu quả.

- Việc thực hiện các chương trình bảo vệ chăm sóc trẻ em phải gắn liền với việc đầu tư ngân sách, đồng thời kêu gọi vận động các tổ chức, cá nhân và cộng đồng cùng tham gia đóng góp nguồn lực thông qua Quỹ bảo trợ trẻ em và các hoạt động từ thiện, nhận đỡ đầu, làm con nuôi..., từng bước thực hiện xã hội hóa công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

Phần thứ hai:

Mục tiêu, nội dung, giải pháp thực hiện Chương trình

I. Mục tiêu của Chương trình:

1. Mục tiêu tổng quát :

Xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện và lành mạnh để thực hiện ngày càng tốt hơn các quyền của trẻ em. Từng bước giảm khoảng cách chênh lệch về điều kiện sống giữa các nhóm trẻ em và trẻ em giữa thành thị và nông thôn, giữa trẻ em người kinh và trẻ em người đồng bào dân tộc thiểu số, giữa vùng thuận lợi và vùng khó khăn. Nâng cao chất lượng cuộc sống và tạo cơ hội phát triển bình đẳng cho mọi trẻ em.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi xuống dưới 26% vào năm 2015 và dưới 23% vào năm 2020; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi thể nhẹ cân xuống dưới 20% vào năm 2015 và dưới 15% vào năm 2020; duy trì tỷ lệ trạm y tế có nữ hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi 100% như hiện nay.

- Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi vào năm 2015; đến năm 2020, có ít nhất 30% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và 80% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non. Đến năm 2020, tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở bậc tiểu học là 99% và ở bậc trung học cơ sở là 95%, trong đó quan tâm đến trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

- Giảm tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt so với tổng số trẻ em xuống còn 4% vào năm 2015 và xuống 3% vào năm 2020; tăng tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp, chăm sóc để phục hồi tái hòa nhập cộng đồng và có cơ hội phát triển lên 90% vào năm 2015 và lên 95% vào năm 2020; số trẻ em bị bạo lực giảm xuống còn 20% vào năm 2015 và giảm 40% vào năm 2020; giảm tỷ suất trẻ em bị tai nạn, thương tích xuống còn 550/100.000 trẻ em vào năm 2015 và xuống 450/100.000 trẻ em vào năm 2020.

- Tăng tỷ lệ xã, phường có điểm vui chơi dành cho trẻ em đạt tiêu chuẩn lên 50% vào năm 2015 và lên 55% vào năm 2020.

- Tăng tỷ lệ tỷ lệ trẻ em tham gia diễn đàn trẻ em các cấp lên 20/100.000 em vào năm 2015 và tăng lên 30/100.000 em vào năm 2020.

- Tăng tỷ lệ xã phường đạt tiêu chuẩn xã phường phù hợp với trẻ em lên 68% vào năm 2015 và tăng lên 75% vào năm 2020.

3. Đối tượng, phạm vi và thời gian thực hiện:

a. Đối tượng: Trẻ em, ưu tiên trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em đồng bào dân tộc thiểu số.

b. Phạm vi: Thực hiện trên toàn tỉnh.

c. Thời gian: Từ năm 2013 đến năm 2020.

4. Các hoạt động chủ yếu để thực hiện Chương trình:

a. Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông vận động chính sách, vận động xã hội và chuyển đổi hành vi thực hiện quyền trẻ em và các mục tiêu vì trẻ em.

- Xây dựng và thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch hàng năm và 5 năm về công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của từng địa phương, từng ngành. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ; xác định các mục tiêu chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em là một trong những nội dung trọng tâm của mục tiêu xã hội.

- Xây dựng và tổ chức các đợt truyền thông, sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông, vận động xã hội tham gia các hoạt động nhằm thực hiện tốt quyền của trẻ em như Tháng hành động vì trẻ em, Quốc tế thiếu nhi 1/6, Tết Trung thu, Tết cổ truyền dân tộc, Ngày vi chất dinh dưỡng trẻ em, Ngày toàn dân đưa trẻ em đến trường; Diễn đàn trẻ em cấp tỉnh, huyện; các sự kiện văn hoá, thể thao; Hỗ trợ trẻ em tổ chức các sự kiện, hoạt động truyền thông cho trẻ em và thực hiện quyền, bổn phận của trẻ em,...

- Biên soạn, phát hành hoặc nhân bản các tài liệu, ấn phẩm tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chính sách về bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

- Nâng cao kỹ năng tuyên truyền về bảo vệ, chăm sóc trẻ em cho đội ngũ cán bộ làm công tác truyền thông, báo cáo viên, phóng viên, biên tập viên, cộng tác viên, tuyên truyền viên của các cơ quan, đơn vị địa phương.

- Đẩy mạnh tuyên truyền trực tiếp ở cộng đồng nhằm phổ biến pháp luật về bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

- Tổ chức các hội thảo, hội nghị chuyên đề về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Lựa chọn trẻ em vượt khó học giỏi, cháu ngoan Bác Hồ tiêu biểu, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vươn lên trong học tập và cuộc sống để đi tham quan, báo công với Bác.

b. Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch về bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em.

b.1. Tiếp tục thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các chương trình kế hoạch đã được phê duyệt, ban hành:

+ Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 22/8/2011 của UBND tỉnh Phê duyệt chương trình bảo vệ trẻ em trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2011-2015.

+ Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 06/12/2012 của UBND tỉnh quy định về nội dung và mức chi thực hiện Chương trình bảo vệ trẻ em trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2011-2015.

+ Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch phòng, chống đuối nước trẻ em giai đoạn 2012-2015 của tỉnh Gia Lai.

+ Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 02/3/2011 của UBND tỉnh Gia Lai về quy định mức hỗ trợ lao động nông thôn học nghề thực hiện đề án "đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020" của tỉnh Gia Lai.

+ Quyết định số 15/2012/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 của UBND tỉnh Gia Lai về điều chỉnh mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân năm học 2012 – 2013 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

+ Quyết định số 27/2011/QĐ-UBND ngày 14/10/2011 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung quy định mức trợ cấp cho đối tượng bảo trợ xã hội tại Quyết định số 24/2010/QĐ-UBND ngày 02/11/2010 của UBND tỉnh Gia Lai.

+ Quyết định số 37/2010/QĐ-TTg ngày 22/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy định tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em; Thông tư số 22/2010/TT-LĐTBXH ngày 12/8/2010 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về quy định trình tự, thủ tục đánh giá và công nhận xã, phường phù hợp với trẻ em và Công văn số 3187/UBND-VX ngày 07/10/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 37/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

+ Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 22/3/2012 của UBND tỉnh Gia Lai về việc Ban hành Chương trình phát triển thanh niên Gia Lai đến năm 2020.

+ Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 29/3/2012 của UBND tỉnh Gia Lai về việc Ban hành Kế hoạch hành động giai đoạn 2011 – 2015 của tỉnh Gia Lai thực hiện chiến lược dân số và sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020.

+ Thông tri số 09-TT/TU ngày 11/6/2012 của Tỉnh ủy Gia Lai về Thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; cùng có kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn.

+ Quyết định số 606/QĐ-UBND ngày 04/12/2012 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Kế hoạch hành động giai đoạn 2012 – 2015 của tỉnh Gia Lai thực hiện chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2020.

+ Thực hiện đóng đầy đủ Bảo hiểm Y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi như Luật bảo hiểm y tế đã ban hành.

+ Quyết định số 1247/QĐ-UBND ngày 21/11/2012 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động giai đoạn 2012 – 2013 của Dự án Bạn hữu trẻ em tỉnh Gia Lai giai đoạn 2012 - 2016.

b.2. Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch về lĩnh vực bảo vệ chăm sóc trẻ em và giáo dục trẻ em các giai đoạn tiếp theo phù hợp với từng nội dung, thời điểm, giai đoạn trên địa bàn tỉnh sau khi có hướng dẫn của Bộ Lao động-TB&XH và các bộ, ngành của Trung ương:

- + Chương trình bảo vệ trẻ em tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020;
- + Chương trình phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em giai đoạn 2016-2020;
- + Chương trình phòng, chống bạo lực đối với trẻ em giai đoạn 2016 – 2020;
- + Các chương trình phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em, đặc biệt là trẻ em nghèo; chương trình tiêm chủng mở rộng; các chương trình phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phát triển chương trình giáo dục mầm non, mẫu giáo đặc biệt là chương trình tiên tiến học cho nhóm trẻ em 5 tuổi;...

+ Quy định chế độ, chính sách phúc lợi cho trẻ em theo hướng mở rộng đối tượng trẻ em được hưởng lợi trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, trợ giúp xã hội, vui chơi, giải trí, thể thao, du lịch, thông tin, truyền thông và thực hiện quyền tham gia của trẻ em. Xây dựng và nhân rộng một số mô hình dịch vụ xã hội dành cho trẻ em; các mô hình, hoạt động thực hiện quyền tham gia của trẻ em.

c. Xây dựng, nhân rộng mô hình hiệu quả về bảo vệ, chăm sóc trẻ em dựa vào cộng đồng; mô hình thúc đẩy sự tham gia của trẻ em; mô hình phòng chống tai nạn thương tích; mô hình hỗ trợ trẻ em vi phạm pháp luật, trẻ em bị buôn bán; mô hình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em trong nhà trường và cộng đồng; các mô hình thực hiện các quyền của trẻ em về khai sinh, chăm sóc sức khoẻ dinh dưỡng, vui chơi giải trí, văn hoá thể thao,... đảm bảo cho mọi trẻ em, đặc biệt là trẻ em có nguy cơ cao bị hạn chế phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tiếp cận các dịch vụ này thuận lợi, hiệu quả. Ưu tiên hỗ trợ bảo vệ và chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

d. Khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, gia đình, cộng đồng, người dân và trẻ em tham gia bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em; cung cấp dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục, vui chơi, giải trí, thể thao, du lịch, thông tin và truyền thông cho trẻ em. Gia đình, cộng đồng, nhà trường có trách nhiệm tham gia thực hiện các quyền của trẻ em, tạo mọi điều kiện cho trẻ em được học tập, chăm sóc sức khỏe, vui chơi, giải trí; tạo cơ hội, điều kiện thuận lợi cho trẻ em chủ động tham gia các hoạt động bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em và các hoạt động xã hội khác phù hợp với lứa tuổi. Cùng cố Quỹ bảo trợ trẻ em để tăng cường vận động nguồn lực thực hiện Chương trình, ưu tiên trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

e. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm việc với trẻ em:

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành mà nhiệm vụ của họ có liên quan đến bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, thực hiện các quyền của trẻ em.
- Hình thành đội ngũ đội ngũ cán bộ chuyên sâu về truyền thông - vận động xã hội bảo vệ, chăm sóc trẻ em có đủ khả năng nghiên cứu, tham mưu, tổ chức và phối hợp thực hiện, chỉ đạo điểm các hoạt động thông tin - giáo dục - truyền thông - tư vấn
- Kiện toàn và phát triển mạng lưới cộng tác viên, tình nguyện viên bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở thôn, làng, tổ dân phố, bố trí cán bộ có tâm huyết, năng lực đảm nhận công tác và có chính sách đãi ngộ hợp lý. Nâng cao chất lượng công tác theo dõi, giám sát và đánh giá.
- Xây dựng và sử dụng có hiệu quả cơ sở dữ liệu về trẻ em.

f. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá và thanh tra:

- Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát và thanh tra chuyên ngành và liên ngành về việc thực hiện các quyền của trẻ em và các trường hợp ngược đãi, xâm hại, bạo lực, buôn bán, bóc lột trẻ em; về việc thực hiện các dịch vụ phúc lợi xã hội dành cho trẻ em.
- Tăng cường công tác thanh tra chuyên ngành về bảo vệ, chăm sóc trẻ em; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thanh tra chuyên ngành về bảo vệ, chăm sóc trẻ em.
- Sơ kết, tổng kết các mô hình, các giai đoạn của Chương trình. Đánh giá và nhân rộng các mô hình có hiệu quả.

5. Các giải pháp thực hiện chương trình:

a. Lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức quản lý: Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền đối với công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em:

- Các cấp, các ngành tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành các Nghị quyết, Chỉ thị, Chương trình, Kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em theo hướng mở rộng chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội cho trẻ em, đặc biệt là trẻ em thuộc gia đình nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số; gắn với Chiến lược Phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020; Chương trình xây dựng nông thôn mới, xây dựng trường học an toàn, thân thiện và xây dựng cộng đồng vững mạnh.

- Các sở, ban, ngành, UBND các cấp xây dựng chương trình hành động, đưa mục tiêu của Chương trình hành động vì trẻ em vào các hoạt động của ngành, chương trình phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 5 năm của địa phương.

- Tăng cường kiểm tra, đánh giá, giám sát kết quả thực hiện các mục tiêu, nội dung của Chương trình hành động vì trẻ em hàng năm, giữa kỳ và cuối kỳ theo.

- Thực hiện cơ chế báo cáo, thông tin thường xuyên tới lãnh đạo các cấp về tình hình trẻ em, công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, tiến độ thực hiện Chương trình hành động vì trẻ em.

- Củng cố hệ thống tổ chức, kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em nhất là đội ngũ Công tác viên ở cơ sở, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực công tác, tham mưu tốt cho cấp ủy, chính quyền và phối hợp với ngành, đoàn thể triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu đề ra.

b. Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông vận động chuyển đổi hành vi thực hiện quyền trẻ em và các mục tiêu vì trẻ em.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến trẻ em.

- Tuyên truyền các mục tiêu Chương trình; phổ biến các kiến thức kỹ năng trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; thường xuyên nêu gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến, các mô hình có hiệu quả, đồng thời phê phán các biểu hiện tiêu cực, các việc làm thiếu trách nhiệm đối với trẻ em. Phát huy tốt hơn vai trò của hoạt động truyền thông, giáo dục, tư vấn trong các đối tượng trẻ em; tạo mọi điều kiện để trẻ em thực hiện tốt quyền tham gia ý kiến ở diễn đàn để góp phần quan trọng đối với việc xây dựng Chương trình hành động vì trẻ em giai đoạn 2013 - 2020 cho phù hợp.

c. Đẩy mạnh xã hội hóa sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- Xây dựng cơ chế và tạo khả năng kết hợp, lồng ghép các nguồn lực, các lực lượng trong xã hội và huy động mọi nguồn lực phục vụ cho các mục tiêu Chương trình. Đẩy mạnh các phong trào thi đua “Toàn dân bảo vệ chăm sóc giáo dục trẻ em” “Ông bà, cha mẹ mẫu mực con, cháu thảo hiền” “Người lớn mẫu mực, con cháu chăm ngoan”... Huy động sự tham gia của xã hội vào các công trình, các dịch vụ xã hội phục vụ trẻ em. Tổ chức thường xuyên, liên tục việc vận động xây dựng Quỹ Bảo trợ trẻ em các cấp để hỗ trợ các mục tiêu chương trình hành động vì trẻ em ở địa phương.

- Đẩy mạnh phong trào thi đua bảo vệ, chăm sóc trẻ em, thúc đẩy việc toàn dân tham gia xây dựng môi trường an toàn thân thiện với trẻ em, bảo đảm cho tất cả trẻ em đều được bảo vệ an toàn và có cơ hội phát triển một cách toàn diện cả thể chất, nhận thức và nhân cách. Thường xuyên có sơ, tổng kết phong trào, tiếp tục duy trì nề nếp phong trào thi đua từng cấp.

d. Giải pháp về nguồn lực.

- Huy động các nguồn lực và lồng ghép các chương trình, dự án để đạt mục tiêu đề ra, trong đó ngân sách Nhà nước có vai trò quyết định cho thực hiện các chính sách, chương trình, kế hoạch.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Các huyện, thị xã, thành phố ưu tiên bố trí quỹ đất dành cho việc xây dựng các công trình phúc lợi cho trẻ em. Khi lập các dự án xây dựng khu dân cư, khu nhà ở phải dành diện tích thích hợp để xây dựng trường học, công trình vui chơi, giải trí cho trẻ em. Từng bước bố trí tăng nguồn ngân sách cho sự nghiệp chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em; trong đó ưu tiên kinh phí đầu tư các công trình cho trẻ em vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn, trẻ em các gia đình chính sách, gia đình nghèo và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Đẩy mạnh xã hội hóa công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em theo hướng nâng cao trách nhiệm của gia đình, nhà trường, cộng đồng dân cư và các tổ chức chính trị - xã hội. Khuyến khích sự đóng góp của các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân cho các hoạt động và công trình dành cho trẻ em.

Tổ chức thực hiện tốt Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em và các công ước, điều ước quốc tế khác có liên quan mà Nhà nước Việt Nam ký kết hoặc tham gia. Mở rộng, tăng cường hợp tác quốc tế, khu vực nhằm trao đổi kinh nghiệm, huy động nguồn lực bên ngoài cho công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em.

6. Kinh phí thực hiện:

Kinh phí để thực hiện được các Mục tiêu của Chương trình hành động vì trẻ em giai đoạn 2013-2020:

- Đối với cấp tỉnh:

+ Giai đoạn 2013 – 2015: Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động vì trẻ em trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 22/8/2011 của UBND tỉnh.

+ Giai đoạn 2016 – 2020: Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và các bộ ngành liên quan theo từng Chương trình, kế hoạch cụ thể.

+ Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính chịu trách nhiệm thống nhất và xác định kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh để thực hiện Chương trình giai đoạn 2016 – 2020 theo đúng qui định của Luật Ngân sách Nhà nước.

- Đối với cấp huyện: Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố tiến hành xây dựng Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em trên địa bàn, bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện được các mục tiêu vì trẻ em trong giai đoạn 2013 - 2020 tại địa phương.

7. Tổ chức thực hiện:

- Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị hướng dẫn, tổ chức thực hiện Chương trình hành động vì trẻ em trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2013 - 2020. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình kế hoạch đã được phê duyệt; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng kế hoạch ngân sách cho Chương trình theo kế hoạch 5 năm và hàng năm để có nguồn lực thực hiện Chương trình; tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát, đánh giá chuyên ngành, liên ngành việc thực hiện chương trình và báo cáo định kỳ, đột xuất với

UBND tỉnh và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Tổ chức sơ kết việc thực hiện Chương trình vào cuối năm 2015 và tổng kết vào cuối năm 2020.

- Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan thực hiện các mục tiêu về dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em do ngành quản lý; đưa các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình lồng ghép vào các chương trình, kế hoạch của ngành; xây dựng các chương trình về dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả chính sách khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em của hộ gia đình nghèo; phục hồi chức năng cho trẻ em khuyết tật; thí điểm các loại hình dịch vụ y tế đặc thù cho trẻ em.

- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan thực hiện các mục tiêu của Chương trình về lĩnh vực giáo dục đưa vào các chương trình, kế hoạch của ngành; xây dựng các chính sách miễn, giảm học phí và các biện pháp hỗ trợ phù hợp cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Phối hợp với các tổ chức có liên quan xây dựng chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng thực hành quyền trẻ em, bảo vệ trẻ em cho đội ngũ nhà giáo. Xây dựng các chương trình ngoại khóa giáo dục kỹ năng sống cho trẻ em.

- Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng quy hoạch thiết chế văn hóa dành cho trẻ em; đưa các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình lồng ghép vào các chương trình, kế hoạch của ngành; chỉ đạo, hướng dẫn việc tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, vui chơi, giải trí, thể dục, thể thao, du lịch cho trẻ em; thực hiện các mục tiêu của Chương trình về văn hóa, vui chơi, giải trí, rèn luyện thể chất cho trẻ em.

- Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các cơ quan truyền thông xây dựng chương trình, kế hoạch và dành thời lượng, chuyên mục, chuyên trang hợp lý để tuyên truyền về việc thực hiện các quyền của trẻ em và Chương trình hành động vì trẻ em; kiểm tra, thanh tra hoạt động, sản phẩm, phương tiện thông tin, truyền thông dành cho trẻ em và có liên quan đến việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

- Công an tỉnh chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ, Công an các địa phương phối hợp các ngành liên quan, chính quyền cơ sở thực hiện các nội dung của mục tiêu Chương trình thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao. Tập trung phòng ngừa, đấu tranh, điều tra, xử lý kịp thời tội phạm và các hành vi xâm hại trẻ em trái pháp luật; phòng ngừa, ngăn chặn trẻ em vi phạm pháp luật. Làm tốt công tác đăng ký, quản lý cư trú, đảm bảo mọi trẻ em đều được đăng ký hộ khẩu theo đúng quy định của pháp luật. Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác phòng ngừa, ngăn chặn, điều tra, xử lý trẻ em có hành vi vi phạm pháp luật và các hành vi xâm hại, bóc lột, bạo lực trẻ em.

- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Gia Lai và các cơ quan thông tin đại chúng nâng cao chất lượng và bố trí lượng tin, bài, thời lượng, thời gian phát sóng phù hợp cho các kênh, chương trình, nội dung về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em và thực hiện các quyền của trẻ em.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan đưa các mục tiêu của Chương trình vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội bố trí kinh phí thực hiện các mục tiêu của Chương trình theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

- Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc phổ biến tuyên truyền pháp luật có liên quan đến quyền trẻ em; trong việc quản lý, đăng ký khai sinh cho trẻ em. Rà soát, đánh giá tình hình thi hành pháp luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, qua đó đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp; thẩm định, tham gia đóng góp ý kiến đối với chủ trương, chính sách, luật pháp, các chương trình, dự án liên quan đến bảo vệ quyền trẻ em, nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật về trẻ em, tạo điều kiện cho trẻ em có thể tiếp cận với các dịch vụ xã hội khác.